TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17-3-2025 V/v ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huế M, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

HKTT: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huế M trình bày:

Bà và ông Hồ Văn Đ có tổ chức tiệc cưới năm 1998 và đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2024 đến nay. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có

kết quả, nay bà M muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Văn Đ vì hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Về con chung tại đơn khởi kiện bà trình bày vợ chồng có 01 con chung là nhầm lẫn do lỗi đánh máy, thực tế vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Trung H, sinh ngày 10/02/1999 và Hồ Thanh L, sinh ngày 06/01/2002, hiện cả 02 con đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/01/2025 bị đơn ông Hồ Văn Đ trình bày:

Ông đã nhận được thông báo thụ lý của Toà án và các thông báo mời hoà giải nhưng do bận công việc đi làm ăn xa nên không về tham dự được, nay ông đến Toà án và xin trình bày ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Huế M quen biết nhau do mai mối và gia đình hai bên tổ chức tiệc cưới theo phong tục tập quán vào năm 1998 nhưng đến ngày 18/8/2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc. Cách đây khoảng hơn một năm thì vợ chồng sống ly thân, nguyên nhân do vợ ông gây nợ nần, ông khuyên can nhiều lần không nghe nên trong lúc nóng giận ông có đánh vợ vài bạt tay, lúc này vợ ông giận nên bỏ đi không tiếp tục chung sống với ông. Vợ đòi ở riêng, đi làm riêng, ông cũng đồng ý, hàng tuần ông đều đi rước vợ về ở chung, nhưng vợ ông tiếp tục gây nợ, ông đã nhiều lần trả nợ cho vợ ông nhưng vợ ông vẫn tính nào tật đó, không biết vợ ông làm gì mà thiếu nợ người ngoài, ông có hỏi nhưng bà M không nói. Lần gần đây nhất ông gặp vợ là khoảng 03 tháng. Nay bà M yêu cầu ly hôn do vẫn còn thương vợ thương con nên ông yêu cầu được hàn gắn. Ông nhiều lần năn nỉ vợ về sống với ông nhưng bà M không đồng ý. Nay do đi làm ăn xa nên ông không thể tham gia vụ án được khi Toà án triệu tập, xin Toà án giải quyết cho ông được vắng mặt. Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Huế M có 02 con chung tên Hồ Trung H, sinh ngày 10/02/1999 và Hồ Thanh L, sinh ngày 06/01/2002 hiện cả 02 con đang sống chung với ông, hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Huế M được ly hôn với ông Hồ Văn Đ. Về con chung đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự yêu cầu ly hôn, quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đều có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 271/TLKH-BS ngày 11/9/2024 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, thể hiện ngày 18/8/2003 bà Nguyễn Thị Huế M và ông Hồ Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cải vã nhau và ông Hồ Văn Đ có đánh bà M vài bạt tay vì cho rằng bà M gây nợ nần và ông đã nhiều lần thay bà M trả nợ. Từ lý do đó bà M không tiếp tục chung sống với ông Đào D ông đã nhiều lần năn nỉ bà M về chung sống với ông nhưng bà M không đồng ý. Nay ông Đ có nguyện vọng xin hàn gắn do vẫn còn thương vợ. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, ông Đ chưa có giải pháp nào để động viên vợ tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với mình. Mặt khác, Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà M cương quyết ly hôn, cho thấy ý chí của bà M không muốn đoàn tụ với ông Đ. Xét lời trình bày của đương sự thể hiện vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, sau khi ly thân mạnh ai nấy sống, bà M không còn tình cảm dành cho chồng, nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất trình bày có 02 con chung tên Hồ Trung H, sinh ngày 10/02/1999 và Hồ Thanh L, sinh ngày 06/01/2002, hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huế M là người xin ly hôn phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Huế M được ly hôn với ông Hồ Văn Đ.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huế M và ông Hồ Văn Đ thống nhất trình bày có 02 con chung tên Hồ Trung H, sinh ngày 10/02/1999 và Hồ Thanh L, sinh ngày 06/01/2002, cả 02 con chung đều đã thành niên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huế M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008012 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà M đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nghiệp